

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Nha
Ông Đặng Văn Pé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lường Thị B, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn H, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08-6-2020, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị B trình bày:

Chị Lường Thị B và anh Chu Văn H quen biết nhau, tự nguyện tìm hiểu, việc kết hôn giữa hai người là trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 05-6-2013. Sau thời gian chung sống đến tháng 5/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm, anh Chu Văn H uống rượu say về đánh chửi vợ. Hai bên gia đình đã hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được tình cảm. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2019, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Lương Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên viết đơn xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Chu Đức T, sinh ngày 11-7-2013, hiện con đang chung sống cùng bố Chu Văn H. Khi ly hôn chị Lương Thị B yêu cầu anh Chu Văn H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho tới tuổi trưởng thành. Chị Lương Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị Lương Thị B tự nguyện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2020.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Chu Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20-7-2020, bị đơn anh Chu Văn H trình bày: Anh và chị Lương Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đi làm ruộng rồi cãi nhau, nóng lên anh Chu Văn H có cầm xẻng chém chị Lương Thị B nhưng không trúng, vợ chồng sống với nhau hàng ngày cũng có mâu thuẫn nhưng một lúc lại thừa nhau. Đến tháng 3/2019 chị Lương Thị B đã bỏ về bên nhà ngoại sinh sống từ đó đến nay. Bản thân anh Chu Văn H có một lần về đón nhưng chị Lương Thị B không về. Anh đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh không nhất trí ly hôn nên anh sẽ không đến Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Trường hợp chị Lương Thị B vẫn cương quyết ly hôn thì do chị Lương Thị B quyết định, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Có 01 con chung như chị Lương Thị B trình bày là đúng, khi ly hôn anh Chu Văn H nhất trí được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tới tuổi trưởng thành. Chị Lương Thị B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng anh cũng nhất trí, anh không yêu cầu chị Lương Thị B phải trả lãi suất chậm trả khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện tại anh đang làm ruộng, thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng đảm bảo điều kiện nuôi con, nhà hiện nay đang ở là của anh, anh sống gần nhà mẹ đẻ, hàng ngày mẹ vẫn chăm sóc con và đưa đón con đi học giúp anh những lúc anh bận.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Chu Văn H cũng xác nhận không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng,

đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đã có biên bản lấy lời khai thể hiện ý kiến về các vấn đề và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng quyết định tiếp tục xét xử đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Lương Thị B và anh Chu Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 05-6-2013, vì vậy xác định hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ly thân từ tháng 3/2019, không còn quan tâm đến nhau. Anh Chu Văn H đã biết và nhận các văn bản tố tụng, anh Chu Văn H cho rằng do còn tình cảm anh không đồng ý ly hôn nên anh không đến Tòa án, đề nghị giải quyết vắng mặt tại biên bản lấy lời khai. Điều đó thể hiện anh Chu Văn H không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy việc chị Lương Thị B xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Chị Lương Thị B và anh Chu Văn H đều nhất trí khi ly hôn anh Chu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Đức T, chị Lương Thị B có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng, anh Chu Văn H cũng nhất trí. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Lương Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9/2020 cho tới khi con đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung do anh Chu Văn H không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị Lương Thị B phải chịu án phí dân sự và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chu Văn H, cư trú tại Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng

Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn chị Lường Thị B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm và bị đơn anh Chu Văn H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn cãi chửi nhau nhưng một lúc lại thừa nhau; chị Lường Thị B và anh Chu Văn H đều xác nhận đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị Lường Thị B và anh Chu Văn H đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Chu Văn H mong muốn về đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 20-7-2020 trường Thôn B, xã T, huyện L cũng xác định chị Lường Thị B và anh Chu Văn H có mâu thuẫn, đã sống ly thân, quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị B và anh Chu Văn H trầm trọng không thể hàn gắn được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Lường Thị B và anh Chu Văn H có 01 con chung là Chu Đức T, sinh ngày 11-7-2013, chị Lường Thị B và anh Chu Văn H thống nhất khi ly hôn anh Chu Văn H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy mặc dù về phần con chung chị Lường Thị B và anh Chu Văn H có thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, tuy nhiên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, tại phiên tòa anh Chu Văn H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thỏa thuận đối với vấn đề này. Xét đến điều kiện chăm sóc con chung thì chị Lường Thị B hiện đi làm công nhân tại Bắc Ninh, có thu nhập nhưng không có chỗ ở ổn định, không đảm bảo điều kiện để nuôi con; anh Chu Văn H hiện có nhà cửa ổn định, làm ruộng có thu thập, hiện con chung đang học gần nhà, có mẹ đẻ sống gần hỗ trợ chăm sóc con và đưa đón cháu đi học, đảm bảo điều kiện chăm sóc con tốt hơn, tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chung, cháu Chu Đức T cũng có nguyện vọng ở với bố. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con cho anh Chu Văn H chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Chu Văn H nhất trí chị Lường Thị B cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa chị Lường Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ tháng 9/2020 cho tới khi con đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai anh Chu Văn H không yêu cầu chị Lường Thị B chịu lãi suất chậm trả khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng cao hơn có lợi cho bị đơn, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 9/2020 đến khi con đủ 18 tuổi và ghi nhận việc chị Lường Thị B không phải chịu lãi suất chậm trả khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh Chu Văn H không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lường Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị B được ly hôn với anh Chu Văn H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 30, đăng ký ngày 05-6-2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung Chu Đức T, sinh ngày 11-7-2013 cho anh Chu Văn H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lường Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2020 cho tới khi con đủ 18 tuổi. Chị Lường Thị B không phải chịu lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Chu Văn H không yêu cầu.

Chị Lường Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng để sung quỹ Nhà nước. Chị Lường Thị B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0001376 ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Lường Thị B phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Chu Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Mai